

Số: 544 /BC-VEE-TCLĐ

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 07 năm 2013

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN - VINACOMIN**  
**Năm báo cáo 2012**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: VINACOMIN - ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700353419
- Vốn điều lệ: 22.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng chẵn*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 22.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng chẵn*)
- Địa chỉ: Số 822, đường Trần Phú, Phường Cẩm Thạch – Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: 033.3862038
- Số fax: 033.3863037
- Website: vee-tkv.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin là doanh nghiệp thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thành lập từ năm 1960 có trụ sở tại 822 - đường Trần Phú, Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh. Công ty đã áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO-9001: 2000 từ năm 2004 và đến nay đang áp dụng phiên bản 2008.

Ngày 25 tháng 7 năm 1960, Bộ Công nghiệp Năng ra quyết định số 707/BCNNg thành lập Công ty than Hòn Gai với 16 đơn vị trực thuộc. Các Công trường, phân xưởng trước đó được nâng lên thành các đơn vị độc lập trực thuộc Công ty than Hòn Gai, trong đó Phân xưởng điện thuộc Nhà máy cơ khí Cẩm Phả được tách ra thành Xưởng điện Cẩm Phả.

Xưởng điện Cẩm Phả được thành lập với nhiệm vụ là sửa chữa các thiết bị điện, lắp đặt các công trình điện và quản lý hệ thống thông tin cho các xí nghiệp thuộc Công ty than Hòn Gai. Xưởng điện Cẩm Phả có con dấu, có tài khoản tại Ngân hàng với tư cách pháp nhân đầy đủ. Quyết định trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 1960. Do vậy, ngày 01 tháng 8 năm 1960 là ngày thành lập Xưởng điện Cẩm Phả, tiền thân của Công ty Cổ phần Thiết bị điện - VINACOMIN ngày nay.

Quá trình phát triển của Công ty qua 52 năm qua với các dấu ấn lịch sử:

+ Năm 1965: Xưởng điện là một bộ phận vừa làm nhiệm vụ sản xuất và trực chiến phục vụ sản xuất có trụ sở tại khu vực tây Khe Sim - Cẩm Phả - Quảng Ninh.

+ Năm 1966: Do chiến tranh ác liệt, toàn bộ Xưởng đã chuyển đến khu sơ tán Km 6,5 Quang hanh và sản xuất được đưa vào trong hàng đá.

+ Năm 1973, sau khi Hội nghị Pari có hiệu lực chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc của Đế quốc Mỹ, Xưởng điện được chuyển sản xuất ra ngoài hang tại khu sơ tán.

+ Ngày 17/3/1973 Bộ Điện và Than ra quyết định số 379/ĐT- CBTC, đổi Xưởng điện Cẩm Phả thành Nhà máy Sửa chữa Điện mở

+ Năm 1975: Xưởng được chuyển về Km5 Cẩm Phả và vị trí này được ổn định cho đến nay.

+ Ngày 20/9/1986 Bộ Mỏ và Than ra quyết định số 38/ MT-TCCB chuyển Nhà máy Thiết bị điện mở trực thuộc Công ty Cơ khí mỏ. Đến năm 1987 theo chương trình 35kV của Bộ, Công ty được bổ sung nhiệm vụ chế tạo các máy biến áp điện áp đến 35kV.

+ Ngày 01/12/1995 Bộ Công nghiệp ra quyết định số: 236/ QĐ - TCCB đổi Nhà máy Thiết bị điện mở thành Công ty Chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả.

+ Năm 1998 Công ty Chế tạo Thiết bị Điện Cẩm Phả liên doanh với Hãng TAKAOKA (Nhật Bản) thành lập Công ty liên doanh sản xuất thiết bị điện lực VINA - TAKAOKA để sản xuất máy biến áp điện lực công suất đến 63.000KVA, điện áp đến 110KV; sản xuất cầu dao cách ly đến 110KV; sản xuất tủ bảng điện.

+ Ngày 23/5/2001 Bộ Công nghiệp ra quyết định số 29/2001/QĐ-BCN sáp nhập Tổng Công ty Cơ khí Năng lượng và Mỏ vào Tổng Công ty Than Việt Nam. Công ty Chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả được chuyển đổi trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam.

+ Ngày 25/01/2006 Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam mua lại Công ty Vina - Takaoka và ra quyết số: 185/QĐ-TCCB sáp nhập vào Công ty Chế tạo Thiết bị điện Cẩm Phả trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than –Khoáng sản Việt Nam

+ Ngày 09/8/2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra quyết định số 2065/QĐ-BCN V/v Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả thành Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.

+ Đại hội Cổ đông thường niên tháng 4 năm 2011, Công ty Cổ phần Thiết bị điện- TKV được đổi thành Công ty Cổ phần Thiết bị điện- VINACOMIN.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện <i>Chi tiết:</i> - Thiết kế, chế tạo máy biến áp điện lực, biến áp đo lường, biến dòng đo lường, tủ, bảng điện có điện áp đến 220 kV. - Thiết kế, chế tạo các trạm điện trọn bộ có điện áp đến 35kV. - Thiết kế, chế tạo các trạm biến áp phòng nổ có điện áp đến 10kV. - Thiết kế, chế tạo các tủ điều khiển phòng nổ, các trạm từ phòng nổ có điện áp đến 10kV. - Thiết kế, chế tạo các loại máy cắt, cầu dao, cầu chì có điện áp đến 220kV.	2710
02	Sản xuất thiết bị điện khác <i>Chi tiết:</i> - Thiết kế, chế tạo các thiết bị điện phòng nổ có điện áp đến 10kV : + Áp tô mát phòng nổ + Khởi động từ phòng nổ + Máy cắt phòng nổ	2790

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cầu dao phòng nổ</li> <li>+ Quạt gió phòng nổ</li> <li>+ Biến tần, khởi động mềm phòng nổ</li> <li>+ Tủ đo đếm điện năng phòng nổ</li> <li>+ Rơ le phòng nổ</li> <li>+ Đèn chiếu sáng phòng nổ</li> <li>+ Hộp nút bấm phòng nổ</li> <li>+ Sản xuất các phụ tùng điện từ gra phít</li> </ul>	
03	<p>Lắp đặt hệ thống điện</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây lắp trạm và đường dây điện thế đến 220 kV.</li> </ul>	4321
04	<p>Sửa chữa thiết bị điện</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa chữa các thiết bị điện có điện áp đến 220 kV.</li> <li>- Sửa chữa các thiết bị điện phòng nổ có điện áp đến 10kV.</li> </ul>	3314
05	<p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, hiệu chỉnh, thí nghiệm các thiết bị điện có điện áp đến 220 kV.</li> </ul>	7120
06	<p>Sản xuất sản phẩm khác từ cao su</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất các phụ tùng xe máy từ cao su.</li> </ul>	2212
07	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia công, chế tạo các sản phẩm kết cấu thép.</li> </ul>	2511
08	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, hàng hoá phục vụ sản xuất của Công ty.</li> </ul>	8299
09	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống, các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.</li> </ul>	5510

– Địa bàn kinh doanh:

+ Trên toàn lãnh thổ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị:

+ Hội đồng quản trị gồm: 05 thành viên

+ Ban Kiểm soát gồm: 03 thành viên

+ Ban Giám đốc điều hành gồm: 05. Trong đó: 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật, 01 Phó Giám đốc Phụ trách Sản phẩm mới, 01 Phó Giám đốc phụ trách Công nghệ sản xuất, 01 Kế toán trưởng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.
- 05 Phân xưởng trực tiếp sản xuất:
  - + Phân xưởng : Quấn dây máy biến áp.
  - + Phân xưởng : Sửa chữa máy điện và chế tạo thiết bị điện phòng nổ.
  - + Phân xưởng : Lắp ráp máy biến áp.
  - + Phân xưởng : Cơ khí và chế tạo phụ tùng điện.
  - + Phân xưởng : Xây lắp điện.
- 11 Phòng :
  - + Phòng Kỹ thuật.
  - + Phòng Quản lý chất lượng.
  - + Phòng Quản lý vật tư.
  - + Phòng Hành chính quản trị -Bảo vệ - Nhà ăn.
  - + Phòng Tổ chức Lao động- tiền lương -Y tế- Đào tạo.
  - + Phòng Kế toán- Tài chính.
  - + Phòng Kế hoạch.
  - + Phòng Kinh doanh.
  - + Phòng Công nghệ sản xuất.
  - + Phòng Đầu tư.
  - + Phòng Sản phẩm mới.

#### 5. Định hướng phát triển

Trên cơ sở thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011. Công ty đặt ra mục tiêu, nhiệm vụ các năm đến 2015 là: Doanh thu các năm sau cao hơn năm trước từ 9 – 10 %. 100 % sản phẩm chế tạo mới xuất xưởng đảm bảo chất lượng, tiến độ đảm bảo các yêu cầu của khách hàng. Đào tạo, nâng cao trình độ của các khâu kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm thiết kế, chế tạo các sản phẩm phù hợp với đòi hỏi của thị trường và đảm bảo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả...

- Nghiên cứu, đầu tư mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất các loại máy biến áp, nhất là máy biến áp 110 kV, tiến tới đầu tư dây chuyền công nghệ, thiết kế, chế tạo máy biến áp có điện áp 220 kV, dự kiến năm 2020 sẽ chế tạo máy biến áp 220 kV.

- Hoàn thiện quy trình công nghệ, đầu tư thêm trang thiết bị máy móc, mở rộng nhà xưởng để Công ty trở thành Công ty hàng đầu của Vinacomin và là Công ty duy nhất chế tạo thiết bị điện phòng nổ trong các mỏ khai thác than hầm lò, bao gồm chế tạo các loại thiết bị điện phòng nổ nhất là các loại áp tô mát, khởi động từ, máy biến áp khoan ... nghiên cứu hoàn thiện thiết kế, công nghệ để chế tạo các loại máy cắt cao thế phòng nổ 6 kV, các loại biến tần, khởi động mềm 6 kV, các loại máy biến áp PN điện áp ra 1200 V, các loại áp tô mát, khởi động từ điện áp 1200 V...

- Đầu tư thêm các thiết bị thí nghiệm, tăng cường khâu kiểm tra công đoạn sản xuất và kiểm tra xuất xưởng các sản phẩm. Xây dựng phòng thí nghiệm thiết bị, vật liệu điện chuẩn để kiểm tra, thí nghiệm tất cả các thiết bị, vật liệu điện trước khi đưa vào sử dụng ở các đơn vị trong Vinacomin tại Quảng Ninh.

- Hoàn thiện các quy chế, bộ máy làm công tác khoán và quản trị chi phí để khoán chi phí cho toàn bộ các xưởng sản xuất và tiến tới khoán chi phí cho các phòng ban, đơn vị liên quan nhằm gắn trách nhiệm và quyền tự chủ của các phân xưởng, phòng ban, đơn vị trong quản lý, tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động.

- Tìm thêm các đơn vị cung cấp vật tư, thiết bị để đảm bảo việc mua vật tư, thiết bị đầu vào là rẻ nhất và kịp thời nhằm hạ giá thành sản phẩm và đảm bảo tiến độ chế tạo và sửa chữa sản phẩm.

Phần đầu xây dựng Công ty thành một Công ty Chế tạo và sửa chữa các Thiết bị điện có trình độ kỹ thuật cao với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phần đầu xây dựng Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin trở thành công ty xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững.

Triển khai dự án duy trì và phát triển Công ty giai đoạn 2012 – 2025, tiếp tục lập dự án xây dựng và nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện phòng nổ với tổng giá trị của dự án khoảng 35,686 tỷ đồng.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

#### Khó khăn

- Bước vào năm 2012, nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi sau những khủng hoảng và suy thoái kinh tế trầm trọng vừa qua, nhiều diễn biến phức tạp. Giá vật tư thiết bị còn biến động. thị trường nội địa bị thu hẹp, sức mua giảm mạnh, hàng tồn kho tăng, số doanh nghiệp thua lỗ sản xuất không có hiệu quả phải giải thể nhiều, nhiều lao động không có việc làm. Tình hình sản xuất than xuất khẩu giảm sút, điều kiện sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn đối với ngành kinh tế đặc biệt là Cơ khí ngành Than trong đó có Công ty cổ phần thiết bị điện – Vinacomin

Năm 2012 công ty cũng gặp không ít khó khăn; Sản phẩm chủ yếu của Công ty thuộc hạng mục đầu tư, xây dựng cơ bản nên việc thanh quyết toán tiền hàng cũng như thanh quyết toán tiền công trình của Công ty với các bạn hàng trong Tập đoàn cũng như ngoài Tập đoàn còn bị kéo dài.

- Tài chính gặp nhiều khó khăn do biến động thị trường, thu hồi nợ của các công ty điện lực từ những năm trước còn một số đơn hàng vẫn còn tồn đọng, giá vật tư biến động làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

- Chu kỳ sản xuất dài, thanh toán trả chậm.

- Việc làm còn thiếu đối với các sản phẩm sửa chữa thiết bị và xây lắp công trình điện.

#### Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm tạo điều kiện việc làm của đơn vị thành viên trong Tập đoàn Vinacomin và các Ban trong Tập đoàn ủng hộ về việc làm, tiêu thụ đối với sản phẩm chế tạo, sản phẩm sửa chữa thiết bị điện và một số sản phẩm chế tạo mới như máy biến tần và tủ khởi động mềm, áp tô mát, khởi động từ và quạt gió lò, máy biến áp phòng nổ, máy biến áp khoan, máy biến áp chiếu sáng phòng nổ, tủ điện cao thế, hạ thế và sản phẩm xe máy bằng cao su, than điện graphit đang tiếp tục nhận được đơn hàng hợp đồng mới.

- Tinh thần lao động sáng tạo, sự đoàn kết tin tưởng vào Ban lãnh đạo Công ty phần đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ của sản xuất kinh doanh.

### **2 Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2012:**

#### **2.1. Kết quả kinh doanh:**

##### **A. Chỉ tiêu chủ yếu:**

- Thực hiện chỉ tiêu phối hợp sản xuất kinh doanh giữa Công ty với Tập đoàn- Vinacomin năm 2012 là: 195,4tỷ đồng..

- Doanh thu thực hiện năm 2012 là 198,863 /195,4 tỷ đạt102 % Kế hoạch.

+ Trong đó:

- Doanh thu trong Than là: 80,722 tỷ bằng 40 %
- Doanh thu ngoài là: 118,141 tỷ bằng 60 %
- Lao động bình quân: 415 người.
- Tiền lương bình quân : 5.790.000đ/5.715.000 đ/ng/tháng đạt 101,3% KH
- Lợi nhuận: 6,521/6,3 tỷ đồng đạt 103,5% KH năm
- Chăm lo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động.
- + Các chỉ tiêu hiện vật:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2012	Thực hiện 2012	Thực hiện 2011	Tỷ lệ TH/KH năm%	Năm 2012 so 2011
1	2	3	4	5	6 (4/3)	7(4/5)
<b>I. Chế tạo sản phẩm mới.</b>						
Biến thế dầu, khô các loại dưới 110KV	Cái	97	54	130	55,7	41,5
Biến thế dầu loại 110KV	Cái	09	07	09	77,8	77,8
Trạm biến áp di động P Nổ	Cái	38	48	40	126,3	120,0
Trạm trọn bộ kiểu kiốt	Cái	10	10	21	100	47,6
BT khoan, chiếu sáng Pnổ	Cái	60	50	21	83,3	238,1
Khởi động từ, áp tô mát Pnổ	Cái	290	513	320	177	160,0
Quạt gió lò	Cái	80	68	97	85	70,1
Máy biến áp hàn kiểu kín	Cái	18	20	19	111,1	105,3
Tủ điện các loại	Cái	33	34	63	103	54,0
Tủ biến tần, Khởi động mềm	Cái	13	32	07	400	457,1
Chế tạo cầu dao các loại	Cái	116	112	114	96,5	98,2
<b>II. Sản phẩm sửa chữa:</b>						
Sửa chữa động cơ các loại	Cái	755	527	795	69,8	63,3
Sửa chữa biến thế dầu+ khô	Cái	20	30	66	150	45,5
Sửa chữa biến thế phòng nổ	Cái	9	20	21	325	95,2
Sửa chữa Áp tô mát phòng nổ	Cái		11			
Sửa chữa Trạm trọn bộ	Tram		06			
<b>III. Sản phẩm cao su, than điện:</b>						
Chôi than điện	Viên	36.000	26.403	43.655	73,3	60,5
Joong phốt cao su	Cái	90.000	94.039	111.972	104,5	84,0
Cao su vá cáp	Kg	5.200	8.967	6.785	172,4	132,2
<b>IV Xây lắp công trình</b>	Triệu	5.000	8.257	3.445	165,1	239,7
<b>V. Thí nghiệm hiệu chỉnh</b>	Triệu	1.600	1.517	1938	94,8	73,3

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a. Tóm tắt lý lịch của Giám đốc Vũ Huy Hoàng

- Họ và tên: VŨ HUY HOÀNG
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 100449018; Ngày cấp: Ngày 02/06/2005
- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1968

- Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Đống Đa – Hà Nội
  - Địa chỉ thường trú: Tổ 6 – Phường Cẩm Thạch – Cẩm Phả - Quảng Ninh
  - Số Điện thoại: 0914993888
  - Trình độ văn hóa: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
  - Quá trình công tác:
    - + Từ tháng 01/1985 – 11/1985: Học nghề trường CNKT Nhà máy SC Điện mỏ.
    - + Từ tháng 12/1985 – 09/1990: CN kiểm tra chất lượng sản phẩm Nhà máy SC Điện mỏ.
    - + Từ tháng 10/1990 – 06/1995: Cán bộ kỹ thuật – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 07/1995 – 05/1997: Cán bộ Phòng KH – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 06/1997 – 08/1997: Phó phòng KH – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 09/1997 – 10/1998: Phó phòng Kỹ thuật – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 11/1998 – 03/1999: Phó phòng QĐ Xưởng Xây lắp điện – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 04/1999 – 05/2000: Phó phòng Kỹ thuật – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 06/2000 – 07/2000: Quyền Quản đốc phân xưởng xây lắp điện – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 08/2000 – 03/2005: Quản đốc phân xưởng xây lắp điện – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 04/2005 – 05/2005: Trưởng phòng Kế hoạch – Công ty Chế tạo TBĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 06/2005 – 08/2006: Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.
    - + Từ tháng 09/2006 – 03/2012: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.
    - + Từ tháng 04/2006 – 05/2012: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.
    - + Từ tháng 06/2012 đến nay: Giám đốc – Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT Khóa II (2012 – 2017) – Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.
  - Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty.
  - Số cổ phần nắm giữ: 2100 cổ phần.
  - Trong đó:
    - + Sở hữu cá nhân: 2100 cổ phần
    - + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : Không.
  - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 5900 cổ phần
  - Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Ngô Thị Kim Dung, quan hệ: Vợ.
  - Hành vi vi phạm Pháp luật: Không có.
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- b. Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Phạm Trọng Hương*
- Họ và tên: PHẠM TRỌNG HƯỚNG
  - Giới tính: Nam
  - Số CMND: 100021325; Ngày cấp: Ngày 07/12/2009

- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1955
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thanh Lương – Vĩnh Bảo – Hải Phòng
  - Địa chỉ thường trú: Tổ 12B – Phường Cẩm Tây – Cẩm Phả - Quảng Ninh
  - Số Điện thoại: 0913325861
  - Trình độ văn hóa: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
  - Quá trình công tác:
    - + Từ năm 1977 – 1990: Nhân viên phòng Kỹ thuật Nhà máy SC Điện mỏ.
    - + Từ năm 1990 – tháng 12/1997: Trưởng phòng KCS - Công ty Chế tạo TĐ Cẩm Phả.
    - + Từ Tháng 01/1998 – 06/1999: Trưởng phòng QLCL – Công ty liên doanh VINA-TAKAOKA.
    - + Từ tháng 07/1999 – năm 2004: Thành viên Ban Giám đốc kiêm trưởng phòng Chế tạo Công ty liên doanh VINA-TAKAOKA.
    - + Từ năm 2004 – tháng 01/2006: Thành viên Ban Giám đốc kiêm Trưởng phòng Chế tạo, Kỹ thuật - Công ty liên doanh VINA-TAKAOKA.
    - + Từ tháng 02/2006 – 06/2006: Trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty Chế tạo TĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 07/2006 – 08/2006: Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.
    - + Từ tháng 09/2006 – 03/2011: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.
    - + Từ tháng 04/2011 – 05/2012: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin.
    - + Từ tháng 06/2012 – nay: Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc - thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.
  - Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy Công ty.
  - Số cổ phần nắm giữ: 2100 cổ phần.
  - Trong đó:
    - + Sở hữu cá nhân: 2100 cổ phần
    - + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : Không.
  - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không.
  - Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không.
  - Hành vi vi phạm Pháp luật: Không.
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- c. Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Trần Văn Chín*
- Họ và tên: TRẦN VĂN CHÍN
  - Giới tính: Nam
  - Số CMND: 1001115346; Ngày cấp: Ngày 20/12/2004
  - Ngày tháng năm sinh: 06/07/1955
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thụy Duyên – Thái Thụy – Thái Bình



- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, khu 5A – Phường Cẩm Trung – Cẩm Phả - Quảng Ninh.
  - Số Điện thoại: 01673301389
  - Trình độ văn hóa: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
  - Quá trình công tác:
    - + Từ năm 1972 – 1978: Sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội.
    - + Từ tháng 04/1978 – 03/1980: Cán bộ cơ điện Mỏ Mông Dương.
    - + Từ tháng 04/1980 – 03/1986: Phó phòng cơ điện Mỏ Mông Dương.
    - + Từ tháng 04/1986 – 05/1989: Trưởng phòng Cơ điện Mỏ Mông Dương.
    - + Từ tháng 06/1989 – 01/1994: Cán bộ kỹ thuật – Nhà máy Sửa chữa điện mỏ.
    - + Từ tháng 02/1994 – 07/1997: Quản đốc phân xưởng S/c Thiết bị điện - Công ty Chế tạo TĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 08/1997 – 10/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty Chế tạo TĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 11/2002 – 08/2006: Phó Giám đốc – Công ty Chế tạo TĐ Cẩm Phả.
    - + Từ tháng 09/2006 – 03/2011: Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.
    - + Từ tháng 04/2011 – Nay: Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.
  - Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty.
  - Số cổ phần nắm giữ: 5000 cổ phần.
  - Trong đó:
    - + Sở hữu cá nhân: 5000 cổ phần
    - + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : Không.
  - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không.
  - Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không.
  - Hành vi vi phạm Pháp luật: Không.
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- d. Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hải Long*
- Họ và tên: NGUYỄN HẢI LONG
  - Giới tính: Nam
  - Số CMND: 100585024; Ngày cấp: Ngày 20/08/2008
  - Ngày tháng năm sinh: 20/07/1970
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Cộng Hòa – Chí Linh – Hải Dương
  - Địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu 9 – Phường Bãi Cháy – Hạ Long - Quảng Ninh
  - Số Điện thoại: 0912191998
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
  - Quá trình công tác:
    - + Từ tháng 05/1993 – 12/1993: Kỹ sư điện – Xí nghiệp đóng tàu Hạ Long.
    - + Từ năm 1994 - 2003: Phó phòng KHKT - Xí nghiệp đóng tàu Hạ Long.
    - + Từ năm 2004 - 2009: Trưởng phòng KHKD – Công ty Cơ khí đóng tàu Hạ Long - TKV.

- + Từ năm 2010 – tháng 06/2011: Phó Giám đốc – Công ty Cơ khí đóng tàu Hạ Long - Vinacomin.
- + Từ tháng 07/2011 – Nay: Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: Không
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : Không.
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không.
- Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không.
- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.
- d. Tóm tắt lý lịch của Kế toán trưởng Đoàn Thị Hằng*
- Họ và tên: ĐOÀN THỊ HẰNG
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 100608623; Ngày cấp: Ngày 02/06/2005
- Ngày tháng năm sinh: 10/05/1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xuân Vinh – Xuân Trường – Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, khu Đập nước 1 – Phường Cẩm Thủy – Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Số Điện thoại: 0906086828
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- + Từ tháng 09/1988 – 06/1997: Cán bộ kế toán - Công ty Chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả.
- + Từ tháng 07/1997 – 02/2006: Phó phòng Kế toán - Công ty Chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả.
- + Từ tháng 03/2006 – 04/2006: Trưởng phòng Kế toán - Công ty Chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả.
- + Từ tháng 05/2006 – 08/2006: Kế toán trưởng - Công ty Chế tạo thiết bị điện Cẩm Phả.
- + Từ tháng 09/2006 – 02/2011: Kế toán trưởng, thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Thiết bị điện - TKV.
- + Từ tháng 03/2011 – nay: Kế toán trưởng, thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Thiết bị điện - Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty.
- Số cổ phần nắm giữ: 1700 cổ phần.
- Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: 1700 cổ phần
- + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : Không.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 1800 cổ phần.
- Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Hà Trường Giang, quan hệ: Chồng
- Hành vi vi phạm Pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2012 do suy thoái kinh tế thế giới và trong nước. Được sự chỉ đạo của Tập đoàn Công ty tạm dừng đầu tư xây dựng nhà Điều hành sản xuất, tập trung thực hiện được số các hạng mục sửa chữa lớn và thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ phê duyệt đầu tư cho kế hoạch năm 2013: Đầu tư mới: Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện phòng nổ.

- Công tác sửa chữa lớn thiết bị và đầu tư mới năm 2012 Công ty thực hiện tổng giá trị là: 1.148,875 triệu đồng

- Trong đó: - Đầu tư mới là 76,875 triệu đồng.  
 - Sửa chữa lớn là 1.072,0 triệu đồng.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	142.734.163.505	111.926.956.421	21,58
Doanh thu thuần	213.495.166.136	196.434.682.293	8,03
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.353.462.057	5.645.840.282	23,22
Lợi nhuận khác	915.760.002	874.818.285	4,47
Lợi nhuận trước thuế	8.269.222.059	6.520.658.567	21,15
Lợi nhuận sau thuế	6.094.007.062	4.882.774.500	19,88
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2.640.000.000	3.080.000.000	16,67

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.200.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ đông Công ty đều là cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông trong nước: Sở hữu 2.200.000 cổ phần chiếm 100% với:
  - + Cổ đông tổ chức sở hữu 1.688.370 cổ phần chiếm 76,74%
  - + Cổ đông cá nhân sở hữu 511.630 cổ phần chiếm 23,26%
- Cổ đông nước ngoài: Không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thực hiện chỉ tiêu phối hợp sản xuất kinh doanh giữa Công ty với Tập đoàn- Vinacomina năm 2012 là: 195,4 tỷ đồng..

- Doanh thu thực hiện năm 2012 là 198,863 /195,4 tỷ đạt 102 % Kế hoạch.

+ Trong đó:

- Doanh thu trong Than là: 80,722 tỷ bằng 40 %
- Doanh thu ngoài là: 118,141 tỷ bằng 60 %
- Lao động bình quân: 415 người.

- Tiền lương bình quân : 5.790.000đ/5.715.000 đ/ng/tháng đạt 101,3% KH
- Lợi nhuận: 6,521/6,3 tỷ đồng đạt 103,5% KH năm
- Chăm lo ổn định và nâng cao đời sống cho người lao động.
- + Các chỉ tiêu hiện vật:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2012	Thực hiện 2012	Thực hiện 2011	Tỷ lệ TH/KH năm%	Năm 2012 so 2011
1	2	3	4	5	6 (4/3)	7(4/5)
<b>I. Chế tạo sản phẩm mới.</b>						
Biến thế dầu, khô các loại dưới 110KV	Cái	97	54	130	55,7	41,5
Biến thế dầu loại 110KV	Cái	09	07	09	77,8	77,8
Trạm biến áp di động P Nổ	Cái	38	48	40	126,3	120,0
Trạm trộn bộ kiểu kiốt	Cái	10	10	21	100	47,6
BT khoan, chiếu sáng Pnổ	Cái	60	50	21	83,3	238,1
Khởi động từ, áp tô mát P nổ	Cái	290	513	320	177	160,0
Quạt gió lò	Cái	80	68	97	85	70,1
Máy biến áp hàn kiểu kín	Cái	18	20	19	111,1	105,3
Tủ điện các loại	Cái	33	34	63	103	54,0
Tủ biến tần, Khởi động mềm	Cái	13	32	07	400	457,1
Chế tạo cầu dao các loại	Cái	116	112	114	96,5	98,2
<b>II. Sản phẩm sửa chữa:</b>						
Sửa chữa động cơ các loại	Cái	755	527	795	69,8	63,3
Sửa chữa biến thế dầu + khô	Cái	20	30	66	150	45,5
Sửa chữa biến thế phòng nổ	Cái	9	20	21	325	95,2
Sửa chữa Áp tô mát phòng nổ	Cái		11			
Sửa chữa Trạm trộn bộ	Tram		06			
<b>III Sản phẩm cao su, than điện:</b>						
Chổi than điện	Viên	36.000	26.403	43.655	73,3	60,5
Joong phốt cao su	Cái	90.000	94.039	111.972	104,5	84,0
Cao su vá cáp	Kg	5.200	8.967	6.785	172,4	132,2
<b>IV Xây lắp công trình</b>	Triệu	5.000	8.257	3,445	165,1	239,7
<b>V. Thí nghiệm hiệu chỉnh</b>	Triệu	1.600	1.517	1938	94,8	73,3

a. Công tác kinh doanh: Lãnh đạo Công ty chỉ đạo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất trong tháng, quý theo kế hoạch năm.

Tăng cường chủ động công tác tiếp thị khai thác việc làm trong các đơn vị thành viên Tập đoàn Vinacomin tiêu thụ các sản phẩm máy biến áp phòng nổ, máy biến tần, tủ khởi động mềm, quạt gió lò, khởi động từ, áp tô mát, biến áp khoan ... vv. Năm 2012 đã tiêu thụ được 7/9 máy biến áp 110 KV theo kế hoạch và giao theo hợp đồng tổng số 713 các thiết bị phòng nổ máy biến khoan, áp tô mát, khởi động từ và sản phẩm sửa chữa động cơ, máy biến áp phân phối.

Tiếp tục tham gia đấu thầu chào giá máy biến áp 110 kV, máy biến áp phân phối tại các Công ty điện lực và sửa chữa tiết bị điện các ngành xi măng, đường sắt, thủy điện ..vv.

Trong năm 2012 phòng Kế hoạch kinh doanh đã thực hiện hoàn chỉnh phê duyệt giá bán thiết bị điện phòng nổ tổng số 68 chủng loại được tiêu thụ vào các Công ty than trong Tập đoàn Vinacomin; Máy biến áp phòng nổ, máy biến áp khoan, máy biến áp chiếu sáng, khởi động từ, áp tô mát, tủ biến tần và tủ khởi động mềm ..VV.

b. Công tác Công nghệ sản xuất: Công tác điều hành sản xuất được duy trì trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất trong kỳ, tháng và kết thúc quý theo kế hoạch. Kết quả thực hiện đảm bảo tiến độ sản xuất và cung cấp sản phẩm chế tạo, sửa chữa đảm bảo chất lượng và thời gian theo yêu cầu của khách hàng.

c. Công tác kỹ thuật: Công ty duy trì sử dụng có hiệu quả công nghệ chế tạo máy biến áp phân phối thực hiện lô thầu thiết bị điện máy biến áp 110KV và thiết kế chế tạo các sản phẩm phòng nổ phục vụ trong Tập đoàn Vinacomin.

- Trong năm tham gia thiết kế mới và thiết kế chào thầu và sửa chữa tổng số 1.468 thiết kế. Công tác sáng kiến Hội đồng duyệt sáng kiến Công ty duyệt được 38 sáng kiến và thưởng sáng kiến tổng số 213.398.895 đồng.

- Thực hiện chế tạo sản phẩm mới máy biến áp phòng nổ các loại, Máy biến tần, tủ khởi động mềm, quạt gió lò, khởi động từ, áp tô mát, biến áp khoan tiêu thụ theo nhu cầu đầu tư của các đơn vị trong Tập đoàn Vinacomin.

- Thực hiện hoàn thiện đề tài cấp bộ chế tạo máy biến áp phòng nổ kiểu kín 1.000 KVA - 6/0,4 - 1,119 KV và đề tài cấp Tập đoàn; Áp tô mát, khởi động từ phòng nổ.

d. Công tác đầu tư: Năm 2012 do suy thoái kinh tế thế giới và trong nước. Được sự chỉ đạo của Tập đoàn Công ty tạm dừng đầu tư xây dựng nhà Điều hành sản xuất, tập trung thực hiện được số các hạng mục sửa chữa lớn và thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ phê duyệt đầu tư cho kế hoạch năm 2013: Đầu tư mới: Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện phòng nổ.

- Công tác sửa chữa lớn thiết bị và đầu tư mới năm 2012 Công ty thực hiện tổng giá trị là: 1.148,875 triệu đồng

Trong đó: - Đầu tư mới là 76,875 triệu đồng.

- Sửa chữa lớn là 1.072,0 triệu đồng.

e. Công tác chuẩn bị vật tư: Tổ chức tốt việc chuẩn bị tốt vật tư và thiết bị chế tạo máy biến áp 110 KV, máy biến áp phân phối, máy biến áp phòng nổ và các sản phẩm trong kỳ sản xuất.

f. Công tác quản lý chất lượng: Công ty duy trì tổ chức thực hiện quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008 và tổ chức thực hiện khâu chăm sóc khách hàng sau bán hàng tạo được uy tín cho các bạn hàng ngoài Tập đoàn và trong Tập đoàn Vinacomin.

i. Công tác an toàn: Kết quả năm 2012 công ty không để xảy ra tai nạn nặng về người và thiết bị. Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, thiết bị nghiêm ngặt về an toàn và các quy định về công tác an toàn được kiểm tra giám sát thường xuyên. Chấm điểm An toàn kiểm tra chéo Công ty đạt 96/100 điểm đạt giỏi.

j. Công tác bảo vệ quân sự và bảo vệ nội bộ: Thường xuyên tăng cường mạng lưới bảo vệ canh gác trực ca trong các ngày lễ tết đảm bảo an toàn. Về công tác dân quân tự vệ tổ chức huấn luyện quân sự và bắn đạn thật cho 35 chiến sỹ dưới sự giám sát của Ban chỉ huy quân sự thị xã Cẩm phả: kết quả đạt khá và giỏi

h. Công tác Chăm lo đời sống CBCNV.

- Về việc làm trong năm không để công nhân nghỉ chờ việc kéo dài, ổn định thu nhập cho người lao động bình quân 5.790.000 đồng/người/tháng.

- Công ty đã chuẩn bị và lo cho CBCNV đủ về tinh thần vật chất trong các ngày lễ trong năm chi từ 500.000 - đến 1.000.000 đồng/ người cho các ngày lễ. Công ty chi hỗ trợ tết Quý

Ty 2013 bình quân cho mỗi cán bộ công nhân viên chức 5.000.000 đồng và phân phối lại quỹ lương bình quân cho CBCNV; 2.000.000 đồng/ người.

- Khám định kỳ năm cho cán bộ quản lý từ phó phòng trở nên tại Bệnh viện lão khoa huyết học Trung ương và toàn bộ công nhân viên do Trung tâm Y tế Cẩm Phả đến tại Công ty kiểm tra định kỳ hàng năm được 100% CBCNV đến khám và được tư vấn cho những người có bệnh có hướng điều trị.

- Chăm sóc sức khỏe chế độ điều dưỡng tại trung tâm điều dưỡng ngành Than cho 15 CBCNV.

- Tổ chức học kèm cặp thi nâng bậc cho 29 công nhân và duyệt nâng bậc lương cho 24 CB- NV

- Về nhà ở: Công ty hoàn tất các thủ tục cấp nhà đất cho các hộ đang cư trú tại khu tập thể đã được UBND Tỉnh Quảng Ninh phê duyệt.

- Giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi cho 03 người; Tập đoàn Vinacomin chi hỗ trợ số tiền là: 137.713.000 đồng

- Giải quyết chế độ cho người xin chấm dứt hợp đồng cho 09 người; Công ty chi tổng số tiền là 85.828.550 đồng

- Về chính sách phân phối tiền lương năm 2012; Căn vào Quy chế quản lý quỹ tiền lương và tiền thưởng trong lương của Công ty; Giám đốc Công ty đã ký phê duyệt; Quy định phân phối tiền lương và tiền thưởng cho các phân xưởng.

- Chi hỗ trợ cho người lao động nghỉ chờ việc do chưa bố trí đủ việc làm với mức lương tối thiểu 830.000 đồng/tháng; Chi hỗ trợ tổng số tiền là 309.397.939 đồng; Cho tổng số : 9.692 công

Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2012. Tinh thần đoàn kết kỷ luật và đồng tâm. Sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra, đời sống, tinh thần vật chất người lao động được cải thiện, Thu nhập người lao động được ổn định trước suy thoái kinh tế chung.

Chất lượng sản phẩm được khẳng định uy tín trên thị trường trong Tập đoàn Vinacomin cũng như các ngành kinh tế khác với mục tiêu đề ra “Chất lượng – Thương hiệu – Hiệu quả & Phát triển bền vững.”

## 2. *Tình hình tài chính*

### a) *Tình hình tài sản*

Tài sản cố định của Công ty giảm so với năm 2011 là 2,111 tỷ đồng. Tổng tài sản giảm 30,81 tỷ đồng do năm 2012 khấu hao tài sản cố định tăng dẫn đến giá trị tài sản cố định giảm so với năm 2011.

### b) *Tình hình nợ phải trả*

Nợ phải trả giảm 32,52 tỷ đồng so với năm 2011 và các khoản nợ đều nằm trong khả năng thanh toán của Công ty.

## 3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

+ Công tác tổ chức: Ổn định tổ chức sản xuất tại các đơn vị phân xưởng phòng ban và điều chuyển lao động phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Duy trì việc phân công nhiệm vụ cho các đồng chí trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và từng đơn vị phòng ban, phân xưởng.

- Thành lập phòng Công nghệ sản xuất và tách bộ phận kinh doanh thuộc phòng Kế hoạch kinh doanh làm nhiệm vụ tiếp thị, đấu thầu và khai thác việc làm trong các đơn vị trong Vinacomin chỉ đạo giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên bộ phận kinh doanh.

- Thay đổi nhiệm vụ phòng Điều hành sản xuất thành phòng Công nghệ sản xuất; nhiệm vụ điều hành sản xuất, lập biểu cấp phát vật tư, định mức nhân công và lập các bước công nghệ chế tạo sản phẩm.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất.

Đầu tư hoàn thiện các dự án phát triển đến năm 2025.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Không có.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

HĐQT được đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 5 năm 2012 thông qua nghị Quyết về chương trình sản xuất kinh doanh năm 2012. HĐQT đã bám sát điều lệ tổ chức, hoạt động và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất tổng số 10 phiên họp để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty như công tác tổ chức cán bộ; Phê duyệt kế hoạch và phương án xuất kinh doanh và phê duyệt các hạng mục đầu tư. Từng cuộc họp nội dung cụ thể và ghi thành nghị quyết giao cho Ban Giám đốc điều hành thực.

Trong năm qua Hội đồng quản trị Công ty tìm nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 theo bản ký kết phối hợp sản xuất kinh doanh với Tập đoàn công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam đều hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 10/5/2012.

Mọi hoạt động của Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty đã ban hành làm cơ sở điều hành trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Các quy chế đã bám sát luật pháp; Điều lệ và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự uỷ quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy lãnh đạo điều hành Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Thực hiện điều hành Công ty được nề nếp và liên tục, HĐQT đã kịp thời họp và ra nghị quyết điều chỉnh nhiệm vụ các chức danh cán bộ chủ chốt bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và thông qua để Giám đốc điều hành mô hình tổ chức phòng ban, phân xưởng và cán bộ quản đốc, trưởng phòng.

Ban giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người và có sự điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với từng giai đoạn trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Nhiệm vụ của từng người đã được HĐQT theo dõi giám sát, nhắc nhở thường xuyên và nhận xét đánh giá cuối năm lưu hồ sơ cán bộ.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Qua báo cáo tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013

+ HĐQT chỉ đạo làm tốt các công việc sau:

- Năm 2013 chủ động thu hồi công nợ và nợ tồn đọng còn bị khách hàng chiếm dụng kéo dài

- Công tác đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn năm 2013 thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt trong lĩnh vực cung cấp biển thể Trung gian và biển thể phân phối để mở rộng thị trường và phát huy được công suất dây chuyền chế tạo biển thể.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo, các Ban của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Vinacomin để nắm bắt các nhu cầu về đầu tư, mua sắm thiết bị phòng nổ, xây dựng công trình điện để xúc tiến công tác chào giá, đấu thầu và xin chỉ định thầu của Tập đoàn .

- Tăng cường - Phát huy tối đa tiềm năng các nguồn lực: Lao động, thiết bị công nghệ và cơ sở vật chất để sản xuất kinh doanh với mục tiêu “Chất lượng - Hiệu quả - Thương hiệu & Phát triển bền vững”

## V. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Chiến Thắng, Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn;

- Ông Vũ Huy Hoàng, Thành viên HĐQT, Giám đốc Điều hành;

- Ông Phạm Trọng Hường, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc;

- Bà Đoàn Thị Hằng, Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng;

- Ông Phạm Văn Phụng, Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Điều hành sản xuất.

Trong 05 thành viên HĐQT có 01 thành viên là lãnh đạo cấp trên, có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý Công ty và 01 là thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Các phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, đã tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất tổng số 10 phiên họp trực tiếp và gián tiếp, ban hành 10 nghị quyết và 08 Quyết định để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty như công tác tổ chức cán bộ; Phê duyệt kế hoạch và phương án xuất kinh doanh và phê duyệt các hạng mục đầu tư. Từng cuộc họp nội dung cụ thể và ghi thành nghị quyết giao cho Ban Giám đốc điều hành thực..

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Trong HĐQT của Công ty có 02 thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên HĐQT không điều hành đó tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT. Trong số 02 thành viên HĐQT nói trên có 01 thành viên HĐQT là Lãnh đạo Tập đoàn và 01 thành viên được giao nhiệm vụ trách nhiệm theo dõi các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với năng lực trình độ chuyên môn được đào tạo.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

### 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Số buổi họp tham dự năm 2012
	Ông Phạm Xuân Phong	Trưởng ban		02



	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	3.000	02
	Ông Nguyễn Đức Tuyên	Ủy viên		02

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, BKS đã thực hiện tốt chức năng của mình như: Giám sát HĐQT; Giám đốc trong việc điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tích trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

05 thành viên HĐQT của Công ty: 114.410.640 đồng.

03 thành viên BKS của Công ty: 64.237.320 đồng.

Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS: 178.647.960 đồng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thiết bị điện – Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán liên quan.

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi xin được lưu ý người đọc báo cáo tài chính về việc Công ty đã tạm phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số:184/NQ-HĐQT ngày 04/02/2013 của Hội đồng quản trị.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

a. Bảng cân đối kế toán

Tài sản	MS	TM	số cuối năm	Số đầu năm
A – Tài sản ngắn hạn	100		102.557.122.958	131.253.387.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.614.085.424	1.643.602.804
1. Tiền	111		4.614.085.424	1.643.602.804
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
III. Các khoản phải thu	130		69.274.057.140	80.187.379.038
1. Phải thu của khách hàng	131		71.169.403.991	82.222.714.324
2. Trả trước cho người bán	132		379.242.000	90.020.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	220.172.401	133.169.796
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		-2.494.761.252	-2.258.525.082
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	28.179.829.491	49.225.776.217
1. Hàng tồn kho	141		33.103.512.019	52.173.831.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			-4.923.682.528	- 4.598.055.662
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		489.150.903	196.629.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn				

2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	153.492.599	47.864.532
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		335.658.304	148.765.295
B - Tài sản dài hạn	200		9.369.833.463	11.480.775.619
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		9.185.362.809	11.142.440.907
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.185.362.809	11.142.440.907
- Nguyên giá	222		93.076.567.133	92.560.903.610
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-83.891.204.324	-81.418.462.703
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
V. Tài sản dài hạn khác	260		184.470.654	338.334.712
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		111.926.956.421	142.734.163.505
Nguồn vốn	ms			
A - Nợ phải trả (310 + 330)	300		79.313.132.267	111.832.519.549
I. Nợ ngắn hạn	310		68.982.887.282	101.266.617.678
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	29.723.510.662	54.801.673.424
2. Phải trả cho người bán	312		15.570.072.067	23.535.765.068
3. Người mua trả tiền trước	313		64.490.420	64.490.420
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	V.16		872.136.006
5. Phải trả người lao động	315		8.291.556.492	3.697.804.631
6. Chi phí phải trả	316	V.17	410.402.345	1.039.888.909
7. Phải trả nội bộ	317		9.065.156.106	11.253.526.106
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3.584.688.818	2.951.600.989
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			2.273.010.372	3.049.732.125
II. Nợ dài hạn	330		10.330.244.985	10.565.901.871
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			918.676.625
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		10.330.244.985	9.600.325.944
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				46.899.302
B - vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		32.613.824.154	30.901.643.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	32.613.824.154	31.641.697.444
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.390.034.529	1.148.792.592
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			3.669.543
7. Quỹ đầu tư phát triển(414)	417		9.223.789.625	8.489.235.309
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-740.053.488

1. Nguồn kinh phí	431		-740.053.488
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	111.926.956.421	142.734.163.505

b. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	2012	2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	196.442.037.674	213.504.977.114
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.355.381	9.810.978
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	10	VI.25	196.434.682.293	213.495.166.136
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	152.881.755.450	171.788.395.406
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.552.926.843	41.706.770.730
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	279.397.920	443.313.418
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	6.989.719.806	8.799.984.600
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.646.125.797</i>	<i>8.443.777.829</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		6.710.249.157	987.874.456
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.486.515.518	25.008.763.035
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.645.840.282	7.353.462.057
11.	Thu nhập khác	31		2.149.511.353	1.767.926.756
12.	Chi phí khác	32		1.274.693.068	852.166.754
13.	Lợi nhuận khác	40		874.818.285	915.760.002
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.520.658.567	8.269.222.059
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.637.884.067	2.175.144.997
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.882.774.500	6.094.077.062
18.	Lãi trên cổ phiếu			2.219	2.770

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Các loại thuế	Số đầu năm	số phải nộp	số đã nộp	số cuối năm
1 - Thuế GTGT hàng nội địa	292.556.577	7.999.649.766	8.300.000.000	-7.793.657
2 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2.934.279.117	2.934.279.117	
3 - Thuế nhập khẩu		1.183.705.009	1.183.705.009	
4 - Tiền thuế đất		499.005.607	499.005.607	
5 - Thuế thu nhập DN	579.579.429	1.637.884.067	2.300.000.000	-82.536.504
6 - Thuế TN Cá nhân	-47.864.532	156.292.942	171.590.848	-63.162.438
7 - Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	

tổng cộng	824.271.474	14.413.816.508	15.391.580.581	-153.492.599
-----------	-------------	----------------	----------------	--------------

**d. Về quỹ tiền lương.**

Quỹ tiền lương năm 2012 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Số dư đầu năm 1/1/2012	3.697.804.631
2	Số tính vào giá thành năm 2012	28.832.728.176
3	Số chi năm 2012	24.238.976.315
4	Số dư cuối kỳ 31/12/2012	8.291.556.492

Các khoản chi lương từ ngày 01/01/2013 đến 31/3/2013 của tiền lương năm 2012 là: 6.111.343.508đ. Số lương dự phòng còn để lại năm 2013 là: 2.180.212.984 tương đương với 7,18%

**e. Về theo dõi quản lý và hạch toán công nợ**

Năm 2011 nợ phải thu đến 31/12/2011: 82.222 tr.đồng chiếm 38 % so với doanh thu (213..504 tr.đồng).

Năm 2012 nợ phải thu đến 31/12/2012: 71.169 Tr.đồng chiếm 36% so với doanh thu (196.442 Tr.đồng) như vậy nợ phải thu năm 2012 giảm hơn so với năm 2011 cả về số tuyệt đối và tỷ lệ % so với doanh thu. Tuy nhiên số cụng nợ phải thu vẫn cao, đề nghị công ty có biện pháp tích cực để thu hồi công nợ tránh để khách hàng chiếm dụng vốn của Công ty.

Trong số nợ phải thu có nợ phải thu khó đòi là: 7.248 Tr.đ, đã trích lập dự phòng 2.494 Tr.đ bao gồm:

- + Nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 500 Tr.đ
- + Nợ từ 1 năm đến dưới 2 năm: 759 Tr.đ
- + Nợ từ 2 năm đến dưới 3 năm: 1.235 Tr.đ

**f. Phân phối lợi nhuận**

Tổng số vốn theo điều lệ: 22.000.000.000

Trong đó: - Tập đoàn 16.883.700.000 (76,74%)

- Vốn góp của các cổ đông khác: 5.116.300.000 (23,26%)

TT	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	6.520.658.567
2	Thuế TNDN phải nộp	1.637.884.067
3	Lợi nhuận sau thuế:	4.882.774.500
4	Lợi nhuận còn lại để trích lập các quỹ:	4.882.774.500
	- Quỹ Dự trữ bắt buộc bổ sung vốn điều lệ 5%	241.241.937
	- Trả cổ tức:14%	3.080.000.000
	<i>Trong đó: + Cổ tức cổ phần vốn Nhà nước</i>	<i>2.363.718.000</i>
	<i>+ Cổ tức cổ phần phổ thông</i>	<i>716.282.000</i>
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển	734.554.316
	- Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	75.179.841
	- Quỹ khen thưởng	375.899.203
	- Quỹ phúc lợi	375.899.203

Công ty đã thực hiện đúng trình tự và phân phối lợi nhuận theo hướng dẫn của Hội đồng thành viên Tập đoàn (Quyết định số 765/VINACOMIN - HĐTV ngày 07/02/2013).

**g. Thuyết minh báo cáo tài chính**

1- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần chi phối

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Chế tạo và sửa chữa thiết bị điện :
  - Sản xuất phụ tùng xe máy bằng cao su; Gra phít
  - Xây lắp trạm và đường dây điện thế 110KV;
  - Xuất nhập khẩu nguyên liệu, vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất của Công ty
  - Dịch vụ nhà nghỉ và ăn uống ;
  - Chế tạo và sửa chữa các thiết bị điện phòng nổ , các thiết bị đo điện từ 110KV trở xuống
- Kiểm tra, thử nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện và điện tử điện áp 110 Kv trở xuống .

#### 2- Niên độ kế toán , đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1.Niên độ kế toán ( bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt nam

- Ngoại tệ khác : Hạch toán nghiệp vụ theo tỷ giá giao dịch thực hiện. Đối với số dư cuối kỳ thì đánh giá theo tỷ giá giao dịch liên Ngân hàng tại thời điểm 31/12.

#### 3- Chế độ kế toán áp dụng

1.Chế độ kế toán áp dụng : Theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán Việt nam và các quy định hiện hành áp dụng trong Tập đoàn CN than – Khoáng sản Việt nam ban hành theo quyết định số 2917 /QĐ - HĐQT ngày 27/12/2006, Quyết định số 15/2006/QĐ -BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp .

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt nam

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006 trong công tác lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chứng từ

4- Các chính sách kế toán áp dụng :

1.Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng , tiền đang chuyển gồm :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : Như các khoản tiền gửi có kỳ hạn , tín phiếu kho bạc ( Nếu có ).

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Ngoại tệ khác : Hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực hiện ; số dư cuối kỳ hạch toán theo tỷ giá giao dịch liên Ngân hàng thời điểm 31/12.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Giá trị thuần có thể thực hiện được

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho : Phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kế khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Căn cứ vào

+ Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 02- HTK : Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các mặt hàng có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

+ Theo Thông tư số 228/2009 TT-BTC ngày 7/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, dự phòng nợ khó đòi tại doanh nghiệp .

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và BĐSĐT:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình :  
Được trình bày theo nguyên giá hoặc giá trị được đánh giá lại theo qui định của Chính phủ và khấu hao lũy kế.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình : Theo phương pháp khấu hao đường thẳng .
- Tỷ lệ khấu hao hàng năm : Được thực hiện phù hợp với quy định tại quyết định 203/2009/QĐ -BTC Ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính .
- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính
- Nguyên tắc ghi nhận NGTSCĐ thuê tài chính : Giá trị theo hợp đồng thuê và chi phí trực tiếp liên quan đến hợp đồng thuê tài chính.
- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính : áp dụng với chính sách khấu hao như KHTSCĐ cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp .
- 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư “
- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : Được ghi nhận với các điều kiện :
  - + Chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai.
  - + Nguyên giá được ghi nhận 1 cách đáng tin cậy
  - + Tài sản bất động sản đầu tư gồm : Nhà hoặc 1 phần nhà, quyền sử dụng đất , đất cơ sở hạ tầng nhằm thu lợi từ việc cho thuê .
- Phương pháp khấu hao : Chủ yếu khấu hao vì mục đích là để kinh doanh .
- 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn .
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn dài hạn khác.
- Phương pháp lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn , dài hạn .
- 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó ( được vốn hoá )các chi phí đi vay được vốn hoá khi đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở dang phát triển bắt đầu phát sinh khi tài sản dở dang đưa vào sử dụng hoặc bán đến hoàn thành .
- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ
- 7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :
  - + Chi phí trả trước ;
  - + Chi phí khác ;
  - Phương pháp phân bổ chi phí trả trước ;
  - Phương pháp phân bổ và lợi thế thương mại .
- 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả .
- 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả
- 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng ; doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Hàng hoá, dịch vụ đã giao cho khách hàng

+ Đã phát hành hoá đơn được khách hàng chấp thuận thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa .

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Lãi tiền gửi : Có báo có của Ngân hàng

+ Tiền bản quyền, cổ tức , lợi tức được phân chia từ công ty con, Công ty liên kết trên cơ sở các thông báo của đại hội đồng cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Lãi tiền gửi : Có thông báo của Ngân hàng

+ Tiền bản quyền, cổ tức, lợi tức được phân chia từ Công ty con, Công ty liên kết trên cơ sở các thông báo của đại hội đồng cổ đông .

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng;

Được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng xây dựng với nhà thầu bao gồm doanh thu ban đầu ghi trong hợp đồng, các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và thanh toán khác.

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng ;

Gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng, các chi phí chung có liên quan đến hoạt động và các hợp đồng, các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của từng hợp đồng .

2. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính .

3. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

4. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái .

5. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác./.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.



GIÁM ĐỐC

Vũ Huy Hoàng